

A. ĐIỀU KIỆN HOÀN CẢNH TẠO RA SÁNG KIẾN

Tiếng Việt là một trong những môn học quan trọng và cần thiết nhất ở bậc tiểu học. Bên cạnh việc học toán để phát triển tư duy logic cho học sinh, việc học tiếng việt sẽ giúp học sinh hình thành và phát triển tư duy ngôn ngữ. Thông qua môn Tiếng Việt, học sinh sẽ được học cách giao tiếp, truyền đạt tư tưởng, cảm xúc của mình một cách chính xác và biểu cảm. Hướng đến việc hình thành kĩ năng mềm, kĩ năng cần thiết cho trẻ. Tiếng Việt sẽ dạy trẻ biết cách giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ với người thân, với cộng đồng và với môi trường tự nhiên; biết sống tích cực, chủ động trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh. Nói chung, Tiếng Việt là môn học không thể thiếu trong hệ thống giáo dục của đất nước, đặc biệt đối với lứa tuổi học sinh ở bậc tiểu học – lứa tuổi đang trong giai đoạn hình thành về nhân cách và tư duy. Đối với học sinh bậc Tiểu học thì phần Học văn là phân môn quan trọng trong môn Tiếng Việt, vì nó là phần học đầu tiên của cấp học. Có học phần này, học sinh mới chiếm lĩnh được một công cụ giao tiếp quan trọng: Chữ viết ghi âm Tiếng Việt. Đây chính là phương tiện để các em có điều kiện học tốt các môn học khác và học lên các lớp trên. Riêng ở phân môn Học văn, trong bốn kĩ năng nghe – nói – đọc – viết thì đọc - viết được đặc biệt ưu tiên. Điều này có nguyên nhân từ mục tiêu của phân môn là dạy chữ - một phương tiện biểu đạt lời nói đặc biệt hiệu quả mà học sinh lớp 1 hầu như chưa biết tới. Phát triển vốn từ cho học sinh, tập cho các em viết đúng mẫu các câu ngắn, bồi dưỡng lòng ham thích thơ văn cho các em. Ngoài ra, Học văn còn góp phần làm giàu vốn hiểu biết về tự nhiên, xã hội cho học sinh; giáo dục nhân cách, đạo đức, tình cảm, tâm hồn cho các em.

Thế giới hôm nay đang chứng kiến biết bao điều kì diệu do con người tạo ra. Một trong những điều kì diệu ấy là sự góp mặt của công nghệ thông tin. Có thể nói công nghệ thông tin là một lĩnh vực đột phá có vai trò lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo, công nghệ thông tin có tác dụng làm thay đổi mạnh mẽ phương pháp, phương thức dạy – học. Trong những năm gần đây việc ứng dụng công nghệ thông tin vào bài dạy ngày càng

phát triển. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học giúp giáo viên nâng cao tính sáng tạo và trở nên linh hoạt hơn trong quá trình giảng dạy của mình.

Năm học 2020 – 2021; 2021 - 2022 là những năm học với nhiều thử thách và biến động. Đây là những năm đầu lớp Một thực hiện theo chương trình GDPT 2018. Việc đổi mới nội dung, chương trình yêu cầu phải đổi mới phương pháp dạy học. Đổi mới phương pháp dạy học đòi hỏi phải sử dụng phương tiện dạy học phù hợp và công nghệ thông tin là một trong những phương tiện quan trọng góp phần đổi mới phương pháp dạy học. Đặc biệt trước tình hình Đại dịch Covid 19 thì việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các bài học, tiết học không còn xa lạ với giáo viên và học sinh. Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học nhằm đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Giúp học sinh được tiếp cận phương pháp dạy học mới hấp dẫn hơn. Ngoài ra, sự tương tác giữa thầy cô và học trò cũng được cải thiện đáng kể, học sinh có nhiều cơ hội được thể hiện quan điểm cũng như chính kiến riêng của mình. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác giảng dạy và học tập có nhiều ưu điểm: Tiết kiệm thời gian ghi bảng và những thao tác khác để tập trung thời gian cho việc rèn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh. Nội dung và hình thức trình bày phong phú, hình ảnh sinh động, hấp dẫn kích thích sự hứng thú học tập của học sinh. Học sinh có thể tự học với sự hướng dẫn của các phần mềm học tập, ... Thực tế cho thấy ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy môn Tiếng Việt rất quan trọng, đặc biệt là phân môn Học văn đối với học sinh lớp Một. Vì với học sinh Tiểu học nói chung và học sinh lớp Một nói riêng phân môn Học văn là quan trọng nhất. Nhưng làm thế nào để việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các tiết học đạt hiệu quả cao nhất? Đó là một vấn đề không phải người giáo viên nào cũng giải quyết một cách hoàn hảo.

Năm học 2020 – 2021; 2021-2022, tôi được giao nhiệm vụ giảng dạy lớp 1. Tôi nhận thấy, các em rất thích quan sát các hình ảnh sinh động nhiều màu sắc ngộ nghĩnh. Nhưng tôi thời điểm hiện tại vẫn chưa có bộ đồ dùng dành cho giáo viên sử dụng, rất khó để giáo viên yêu cầu các em quan sát tập trung. Bên cạnh

Đội ngũ GV được chuẩn hóa; hăng hái, nhiệt tình trong giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm và có ý thức học hỏi để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

GV năm được nội dung chương trình và phương pháp dạy học để có thể chuyển tải nội dung chương trình đến học sinh. Một số GV tích cực trong thực hành đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học, tổ chức các hoạt động học tập linh hoạt và sáng tạo; có trình độ và kỹ năng về công nghệ thông tin tốt.

Phần lớn học sinh đều chăm ngoan, các em đều đã qua lớp mẫu giáo, được chuẩn bị các kỹ năng thích ứng với hoạt động học tập giúp các em có tâm thế sẵn sàng học tập khi vào học lớp 1.

Phụ huynh học sinh đa số đều rất quan tâm đến việc học tập của con em mình.

Học sinh được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, vở bài tập; Giáo viên được cung cấp đầy đủ các học liệu giảng dạy: SGK, SGV, SGK Điện tử (Cloudbook.vn; Hoc10.vn),....

2. Hạn chế trong việc dạy và học môn Tiếng Việt.

Bên cạnh những mặt tích cực thì hiện nay vẫn còn tồn tại một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng như trên.

Một số giáo viên chưa linh hoạt sáng tạo trong ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học. Trong mỗi tiết dạy, giáo viên chưa biết cách phát huy khả năng tự phát hiện của học sinh. Bài giảng còn dập khuôn, máy móc chưa tạo được hứng thú học tập ở học sinh. Chưa có nhiều thời gian đầu tư nghiên cứu để tạo ra những bài giảng hay và hấp dẫn.

Đối với tiết học học văn giáo viên thường phải viết lên bảng các âm, văn, tiếng, từ, câu trong bài nên mất nhiều thời gian mà lại chưa gây được hứng thú học tập cho học sinh.

Đối với học sinh lớp 1 việc hiểu nghĩa từ là khó nên nếu sử dụng hình ảnh tĩnh để minh họa thì học sinh sẽ khó hiểu hơn khi sử dụng những hình ảnh động, đoạn phim thật và cụ thể để minh họa.

C. MÔ TẢ CÁC GIẢI PHÁP SAU KHI CÓ SÁNG KIẾN

I. CƠ SỞ LÍ LUẬN

1. Đặc điểm tâm lí và nhận thức của học sinh lớp 1.

Đặc điểm tâm lí học sinh lớp 1 các em vừa chuyển từ mầm non sang học lớp 1. Về kiến thức Tiếng Việt các em mới chỉ làm quen với các chữ cái, vì vậy lên lớp 1 các em được học ghép âm, vần, tiếng, từ ngay. Điều đó đòi hỏi giáo viên cần phải nắm chắc phương pháp dạy để giúp các em thích ứng với phương pháp học mới, nội dung mới, nắm được kiến thức mà không quá tải. Học hết chương trình lớp 1 là các em phải biết đọc, biết viết hay nói là đọc thông viết thạo. Vậy muốn đảm bảo kiến thức đó thì học sinh cần phải học chắc phần vần, viết đúng vần, âm là hết sức quan trọng, làm tiền đề cho các bước tiếp theo.

Với học sinh lớp 1 khi các em chuyển cấp bước đầu tiên là làm quen với môi trường học tập mới, các em phải học nhiều hơn. Vì thế, giáo viên lớp 1 cần nắm vững đặc điểm tâm sinh lí học sinh để áp dụng phương pháp dạy học cho phù hợp, cuốn hút học sinh giúp các em dễ đọc, dễ viết và đọc viết tốt nhất. Khuyến khích động viên các em hứng thú trong học tập.

Ngoài ra, do đặc trưng riêng về nội dung dạy học và đặc trưng tâm sinh lí, nhận thức của học sinh, trong dạy học Học vần cần đặc biệt chú ý tới nguyên tắc trực quan. Hầu hết học sinh lớp 1 đã biết nghe, nói tương đối thành thạo tiếng Việt từ trước khi đi học, nhưng đại đa số các em khi đến trường mới bắt đầu học chữ. Đối với các em, đây là một nhiệm vụ tuy hấp dẫn nhưng rất khó khăn. Do đặc điểm sinh lí lứa tuổi, nhận thức của học sinh lớp 1 thiên về cụ thể nên muốn hoạt động dạy Học vần đạt kết quả tốt, giáo viên cần chú ý sử dụng thường xuyên các phương tiện trực quan để cụ thể hoá nội dung dạy học và tăng cường tính hấp dẫn của giờ học. Hình thức trực quan trong Học vần là tranh ảnh, mô hình, vật thật, video cũng có thể là lời nói, như chữ mẫu, câu nói mẫu, giọng đọc mẫu của giáo viên...

Vào mỗi tiết học văn tôi luôn ứng dụng công nghệ thông tin vào tiết học để có nhiều cơ hội nâng cao và mở rộng kiến thức cần cung cấp cho học sinh cũng như tạo sự hứng thú cho các em. Thực tế, tôi luôn sử dụng tranh ảnh minh họa cho bài học nhưng so với tranh ảnh động, đoạn phim thì tác dụng sẽ vượt trội hơn cách làm cũ. Vì thế tôi đã ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài học văn để giờ học sinh động và cuốn hút học sinh hơn.

2. Mục tiêu dạy học văn cho học sinh lớp 1.

Nội dung dạy học văn được thể hiện ở cấu trúc chương trình, bố cục sách giáo khoa và ở nội dung cụ thể của từng bài học.

Cấu trúc chương trình và sách giáo khoa phân môn Học văn được thể hiện qua 137 bài đầu của bộ sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 – Bộ sách Cánh Diều. Các ý tưởng về nguyên tắc dạy học, định hướng dạy học, mục tiêu dạy học của phân môn thể hiện qua sự sắp xếp các bài học theo trật tự dễ trước khó sau, đơn giản trước phức tạp sau. Căn cứ vào cấu trúc bài, quy trình dạy và mục đích của các bài học cụ thể, có thể chia các bài học văn thành các nhóm: nhóm bài Làm quen với chữ cái và dấu thanh (gọi tắt là nhóm bài Làm quen); nhóm bài Dạy học âm văn mới (nhóm bài Âm - văn mới) và nhóm bài Ôn tập các âm, văn đã học (nhóm bài Ôn tập).

Dạy học văn cho học sinh lớp 1 là dạy tiếng Việt văn hoá cho trẻ em ở độ tuổi đi học trên khắp các miền, vùng của đất nước với yêu cầu dạy chữ (đọc, viết) trên cơ sở phát triển và hoàn thiện các kỹ năng khác (nghe, nói). Chính vì vậy môn học văn có vị trí quan trọng ở tiểu học, là phân môn mở đầu của lớp đầu tiên ở bậc Tiểu học.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Nội dung dạy học văn ở lớp 1.

Căn cứ vào cấu trúc bài, quy trình dạy và mục đích của các bài học cụ thể, có thể chia các bài học văn thành 3 nhóm: **Làm quen, Âm – văn mới và Ôn tập.**

- + Vần có cặp âm cuối n/t.
- + Vần có cặp âm cuối ng/c.
- + Vần có cặp âm cuối nh/ch.
- + Vần có chứa âm đệm.
- + Các vần còn lại
- + Các vần ít gặp.

Nhóm: Ôn tập

- + Sau mỗi tuần học sẽ có tiết kế chuyện và tiết ôn tập cụ thể.

III. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Biện pháp 1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong phần ôn âm, vần cũ.

Trong mỗi tiết học âm, vần phần kiểm tra bài cũ tôi thường phải viết ra thẻ từ hoặc bảng con âm, vần, tiếng hoặc từ để cho học sinh đọc. Nhưng nay ứng dụng công nghệ thông tin với phần mềm PowerPoint, tôi không phải viết mà chỉ cần trình chiếu âm, vần, tiếng, từ, câu đến đâu học sinh đọc đến đấy. Muốn cho học sinh phân tích tiếng hay từ tôi chỉ cần thêm hiệu ứng gạch chân dưới tiếng từ đó hoặc tô màu cho chữ đó mà không phải nói nhiều. Không chỉ vậy, khi thay đổi theo hướng dạy học tích cực, thay phần kiểm tra bài cũ bằng hoạt động khởi động, tôi có thể dễ dàng thiết kế nhiều trò chơi thú vị để ôn lại kiến thức cũ, từ đó dẫn qua bài mới một cách dễ dàng và hiệu quả.

Ví dụ 1: Bài 78: ăng - ăc, trang 140 SGK, tôi thiết kế phần kiểm tra bài cũ qua trò chơi khởi động GOLD CLUB điền vần để được từ ngữ phù hợp.



Cụ thể như sau, thông qua các hiệu ứng trình chiếu của phần mềm Powerpoint, các slide này có thể chuyển động theo ý đồ của tôi. Tôi bấm từng hiệu ứng xuất hiện: Lần thứ nhất tên trò chơi (GV phổ biến luật chơi, cách chơi),

sau đó bắt đầu tham gia trò chơi. Học sinh sẽ lựa chọn vần phù hợp và tích vào vần lựa chọn. Nếu đúng quả bóng sẽ rơi vào lỗ cột cờ, sai quả bóng sẽ chạy hướng khác và HS phải làm lại. Thông qua trò chơi học sinh tập trung hơn, phần kiểm tra bài sinh động và đạt hiệu quả cao hơn.

Ví dụ 2: Bài 43: im – ip, trang 78 theo định hướng phát triển năng lực, tôi thiết kế trò chơi khởi động như hình dưới



Cụ thể như sau, thông qua các hiệu ứng trình chiếu của phần mềm Powerpoint, slide trò chơi “Ong nhỏ và mật hoa” này có thể điều khiển theo ý đồ của tôi. Học sinh sẽ đọc các câu hỏi lần lượt và lựa chọn các từ tương ứng theo câu hỏi. Khi lựa chọn sai kết quả HS sẽ phải tìm lại kết quả đúng. Cứ như thế cuối cùng tôi dẫn dắt vào bài mới. Trong trò chơi các con đã giúp bạn ong tìm được tiếng, từ có vần im, ip. Vậy giờ cô trò mình sẽ cùng đi khám phá Bài 43: im – ip, trang 78 cùng bạn Ong nhé! Theo cách vào bài như thế này học sinh sẽ

được tự mình khám phá và phát hiện kiến thức mới, giờ học sẽ đạt hiệu quả tốt hơn.

Ngoài ra, tôi còn sử dụng rất nhiều trò chơi để tạo hứng thú, lôi cuốn học sinh hơn. Ví dụ:



Trò chơi: Giải cứu nàng tiên cá



Trò chơi: Những chú vịt đi bơi

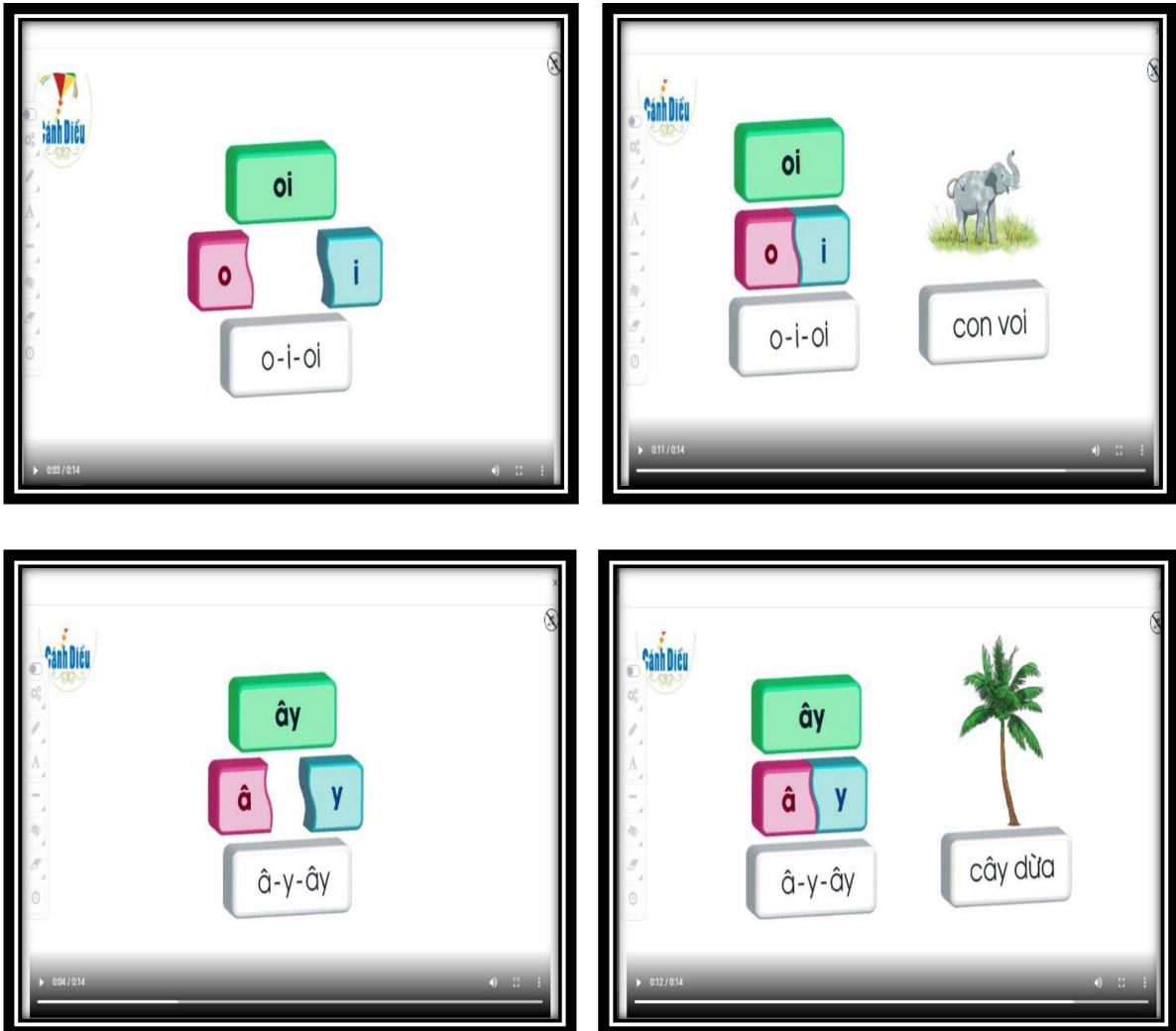


Trò chơi: Vòng quay may mắn



Trò chơi: Sóc nhặt hạt dẻ

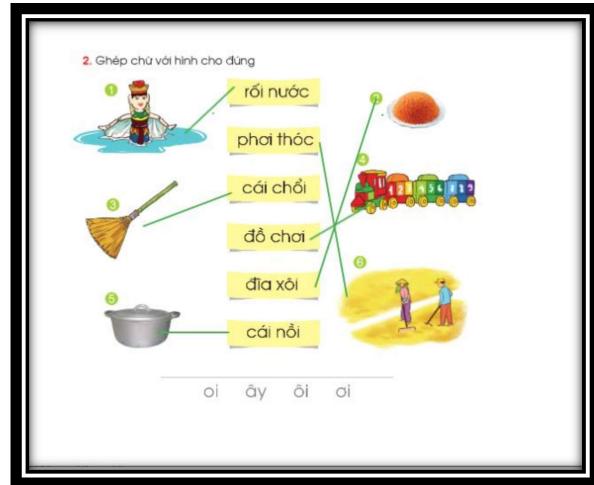
Sau mỗi buổi học để tăng sự tương tác giữa cô, trò và phụ huynh tôi thường trao đổi bài học của học sinh với phụ huynh thông qua các phần mềm như Facebook, Zalo,... Học sinh rất tích cực chia sẻ bài luyện đọc của mình, các em mạnh dạn tự tin hơn. Việc thường xuyên trao đổi các thông tin, cách dạy và học giữa giáo viên, phụ huynh đã giúp cho việc ôn tập bài trở lên tốt hơn.



Bài 100: *oi – ây* (Trang 14)

Các hiệu ứng lần lượt như sau: Khi giới thiệu đến vần “*oi*” thì bấm xuất hiện vần, cách phân tích vần “*o – i – oi*”, giới thiệu đến tiếng thì bấm xuất hiện tiếng “**con voi**”, sau đó HS đánh vần, phân tích tiếng, tìm tiếng chứa vần,.. Tương tự như vậy với vần “*ây*”.

Còn đối với dạng bài tìm âm, vần mới tôi sử dụng luôn trang học liệu điện tử Hoc10.vn để tranh, tiếng và từ xuất hiện cùng lúc, học sinh sẽ quan sát tổng thể bài và tự tìm vần trong tiếng, từ. Khi cho học sinh xem tranh hình ảnh chiếc ấm tích GV chỉ cần chỉ vào tranh nói đây chính là **ấm tích** thì HS hiểu ngay mà không cần phải giải thích gì thêm. Hay khi cho học sinh xem tranh hình ảnh con chim chích GV chỉ cần chỉ vào tranh nói đây chính là con **chim chích** thì HS



Bài 101: ôi – oi (Trang 16)

Biện pháp 3: Ứng dụng công nghệ thông tin trong phần hướng dẫn viết.

Khi không có phần mềm PowerPoint, học sinh chỉ quan sát chữ mẫu và quy các em có thể được quan sát quy trình viết một cách cụ thể sinh động trình viết chữ do giáo viên chỉ. Nhưng khi ứng dụng công nghệ thông tin, từ điểm đặt bút đến điểm dừng bút mà không bị che khuất nếu như cô viết mẫu hoặc chỉ.

eng

xà beng

ec

xe té

Bài 82: eng – ec (Trang 146)